

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ
Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Văn hoá ; Chuyên ngành: Văn hoá học

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: DƯƠNG THỊ THU HÀ

2. Ngày tháng năm sinh: 21/04/1979; Nam ☐ ; ☒ Nữ; ☐ Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): Số nhà 5, tổ 30 mới, phường Vĩnh Hưng, quận Hoàng Mai, Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Dương Thị Thu Hà, Khoa Sau đại học, Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương, số 18, ngõ 55, đường Trần Phú, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng: (84) 024.36402258; Điện thoại di động: 0904176480; E-mail: duongthuha2006@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ năm 2003 đến năm 2009: Cán bộ điều hành du lịch Công ty TNHH Nhà nước 01 thành viên Đầu tư, Thương Mại và Du lịch Thăng lợi.

- Từ năm 2009 đến năm 2012: Giảng viên Khoa Sư phạm - Du lịch, Trường Đại học Công Nghiệp Hà Nội.

- Từ năm 2012 đến năm 2014: Giảng viên, Phó trưởng bộ môn Quản lý văn hóa, Khoa Văn hóa Nghệ thuật, Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương.

- Từ năm 2014 đến 2018: Giảng viên, Phó trưởng khoa Sau đại học, Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương.

- Từ năm 2018 đến nay: Giảng viên, Trưởng khoa Sau đại học, Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương.

Chức vụ: Hiện nay: Bí thư Chi bộ, Trưởng Khoa Sau đại học; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó trưởng Khoa Sau đại học

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Sau đại học, Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương,

Địa chỉ cơ quan: Khoa Sau đại học, Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương, số 18, ngõ 55, đường Trần Phú, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: (84) 024.62516423

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 30 tháng 6 năm 2003, ngành: Văn hóa du lịch, chuyên ngành: Văn hóa du lịch.

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 10 tháng 6 năm 2008, ngành: Du lịch, chuyên ngành: Du lịch.

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 30 tháng 12 năm 2016, ngành: Văn hóa học, chuyên ngành: Văn hóa học

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, Việt Nam.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm

ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh tại HĐGS cơ sở:

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh tại HĐGS ngành, liên ngành:

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Văn hóa du lịch
- Tín ngưỡng, tôn giáo
- Văn hóa và phát triển

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 05 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 05 đề tài NCKH cấp Bộ và cấp cơ sở (03 đề tài cấp Bộ và 02 đề tài cấp cơ sở);
- Đã công bố (số lượng) 31 bài báo KH, trong đó 03 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 02, trong đó 02 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế..

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Danh hiệu thi đua:

- + 2012-2013: Lao động tiên tiến, QĐ số 1005/QĐ-ĐHSPNTTW-TĐKT ngày 27/8/2013
- + 2013-2014: Chiến sĩ thi đua cơ sở, QĐ số 1013/QĐ-ĐHSPNTTW-TĐKT ngày 1/8/2014
- + 2014-2015: Chiến sĩ thi đua cơ sở, QĐ số 1245/ QĐ-ĐHSPNTTW-TĐKT ngày 12/8/2015
- + 2015-2016: Lao động tiên tiến, QĐ số 1557/QĐ-ĐHSPNTTW-TĐKT ngày 22/8/2016
- + 2016-2017: Lao động tiên tiến, QĐ số 1258/QĐ-ĐHSPNTTW-TĐKT ngày 16/8/2017
- + 2017-2018: Lao động tiên tiến, QĐ số 1624/QĐ-ĐHSPNTTW ngày 15/8/2018
- + 2018-2019: Chiến sĩ thi đua cơ sở, QĐ số 1197/ QĐ-ĐHSPNTTW ngày 5/8/2019

- Hình thức khen thưởng:

- + 2009-2010: Giải Nhì giáo viên dạy Giỏi cấp Trường, QĐ số 1369/QĐ-ĐHCN ngày 12/12/2010
- + 2010-2011: Giải Nhì giáo viên dạy Giỏi cấp Trường, QĐ số 2195/QĐ-ĐHCN ngày 27/12/2011

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN
+ 2011-2012: Giải Ba giáo viên dạy Giỏi cấp Trường, QĐ số 985/QĐ-ĐHCN ngày 05/06/2012

+ 2012-2013: Giấy khen hiệu trưởng, QĐ số 1004/QĐ-ĐHSPNTTW-TĐKT ngày 27/8/2013

+ 2016-2017: Giấy khen hiệu trưởng, QĐ số 1259/QĐ-ĐHSPNTTW-TĐKT ngày 16/8/2017

+ 2017-2018: Giấy khen hiệu trưởng, QĐ số 1625/QĐ-ĐHSPNTTW ngày 15/8/2018

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Tôi luôn chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; thi hành nhiệm vụ theo đúng quy định của pháp luật. Không ngừng học tập, rèn luyện nâng cao trình độ lý luận chính trị để vận dụng vào hoạt động giảng dạy, giáo dục và đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao. Có ý thức tổ chức kỷ luật, chấp hành nghiêm sự điều động, phân công của tổ chức; có ý thức tập thể, phấn đấu vì lợi ích chung. Gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân, tích cực tham gia các hoạt động chính trị, xã hội.

- Thực hiện nghiêm túc các quy định và rèn luyện về đạo đức nhà giáo; có tác phong và cách thức làm việc phù hợp với công việc của giảng viên đại học; có ý thức tự rèn luyện tạo phong cách nhà giáo mẫu mực, là tấm gương mẫu mực về phong cách nhà giáo, ảnh hưởng tốt đến sinh viên, học viên và đồng nghiệp.

- Nắm bắt chuyên môn và thành thạo nghiệp vụ; thường xuyên cập nhật, nâng cao năng lực chuyên môn và nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục; chủ động nghiên cứu, cập nhật kịp thời yêu cầu đổi mới về kiến thức chuyên môn; vận dụng sáng tạo, phù hợp các hình thức, phương pháp và lựa chọn nội dung học tập, bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn của bản thân; hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp và chia sẻ kinh nghiệm về phát triển chuyên môn của bản thân nhằm đáp ứng yêu cầu của đổi mới giáo dục.

- Giảng dạy theo mục tiêu, nguyên lý giáo dục, thực hiện đầy đủ và có chất lượng chương trình giáo dục; tận tụy với công việc; thực hiện đúng điều lệ, quy chế, nội quy của đơn vị, nhà trường, của ngành. Công bằng trong giảng dạy và giáo dục, đánh giá đúng thực chất, năng lực của người học, bảo vệ các quyền, lợi ích chính đáng của người học; Không ngừng học tập, rèn luyện để nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy, nêu gương tốt cho người học.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên^(*):

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

- Tổng số 11 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2014-2015					420		420/420/360
2	2015-2016					420		420/420/270
3	2016-2017					285	45	330/330/270
3 năm học cuối								
4	2017-2018					90	210	300/300/270
5	2018-2019			03			277,5	277,5/487,5/270
6	2019-2020			03			277,5	277,5/487,5/270

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☐

- Học ĐH ☐ ; Tại nước: ☐; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ☐ ; tại nước:năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☒

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội, số bằng: QC 029757; năm cấp: 2004.

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Đại học ngôn ngữ Anh (hệ tại chức), Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội, số bằng: QC 029757; năm cấp: 2004.

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HDGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HDGSNN
4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/C K2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Thị Hương		X	X		2018 - 2019	Trường ĐH Sư phạm Nghệ thuật TW	2019
2	Nguyễn Thanh Ngọc		X	X		2018 - 2019	Trường ĐH Sư phạm Nghệ thuật TW	2019
3	Trần Hoàng Biên		X	X		2018 - 2019	Trường ĐH Sư phạm Nghệ thuật TW	2019
4	Trương Mai Ngọc		X	X		2019 - 2020	Trường ĐH Sư phạm Nghệ thuật TW	2020
5	Lê Xuân Hiếu		X	X		2019 - 2020	Trường ĐH Sư phạm Nghệ thuật TW	2020

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Trước khi bảo vệ luận án tiến sĩ							
1	Giáo trình Nghiệp vụ Hướng dẫn du lịch	GT	NXB Giáo dục Việt Nam, 2011, tái bản lần 1 năm 2015, ISBN 978 - 604 - 0 - 02602 - 6	01			Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;
Sau khi bảo vệ luận án tiến sĩ							
2	Văn hóa Thiên tông trong đời sống xã hội Việt Nam hiện nay (Sách chuyên khảo)	CK	NXB Khoa học Xã hội, năm 2019, ISBN 978 - 604 - 956- 698 - 1	01			Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HDGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau PGS/TS: 02 sách do nhà xuất bản có uy tín xuất bản (01 giáo trình, 01 chuyên khảo).

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;
- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- **Các chữ viết tắt:** CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
Trước khi bảo vệ luận án tiến sĩ					
1	Nghiên cứu biên soạn tài liệu giáo trình môn Quản lý văn hóa du lịch trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương	TK	Cấp Trường	24 tháng	2015/Khá
Sau khi bảo vệ luận án tiến sĩ					
2	Giáo dục giá trị văn hóa biển đảo cho sinh viên Sư phạm trên địa bàn thành phố Hà Nội	TK	Cấp Bộ	24 tháng	2017/Đạt
3	Nghiên cứu biên soạn tài liệu môn Văn hóa phát triển của Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương	CN	Cấp Trường	24 tháng	2019/Giỏi
4	Biên soạn tài liệu hướng dẫn giáo dục bảo vệ môi trường trong môn học Nghệ thuật ở cấp Tiểu học tại Việt Nam	CN	Cấp Bộ	12 tháng	2019/Đạt
5	Xây dựng mô hình giáo dục văn hóa môi trường cho sinh viên Sư phạm Nghệ thuật trên địa bàn thành phố Hà Nội	TK	Cấp Bộ	24 tháng	2020/Đạt

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;

- **Các chữ viết tắt:** CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
Trước khi bảo vệ luận án tiến sĩ								
1	Tiềm năng phát triển du lịch thiên ở Việt Nam	01	Tác giả chính	Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật ISSN:0866-8655			Số 304, tháng 10, tr.78-80	2009
2	Các ứng dụng của Du lịch điện tử trong đời sống	01	Tác giả chính	Tạp chí Công Nghiệp ISSN:0868-3778			Số 21, tháng 3, tr.46	2009
3	Công thành Thánh thoái - Điểm du lịch thiên lương làm trong sạch tâm hồn	01	Tác giả chính	Tạp chí Công nghiệp Việt Nam ISSN:0868-3778			Số tháng 11+12, tr.54-55	2010
4	Hiện trạng báo động từ môi trường du lịch ở Việt Nam	01	Tác giả chính	Tạp chí Khoa học Công Nghệ Trường Đại học Công Nghiệp Hà Nội ISSN: 1859-3585			Số 01, tr.76-78	2010
5	Đào tạo nghề hướng dẫn du lịch	01	Tác giả chính	Tạp chí Du lịch Việt Nam ISSN:0866-7373			Số 06, tr.15	2010
6	Kiến giải thêm về	82	01	Tác	Tạp chí Văn hóa		Số 308,	2010

	bìa tiền sử tại Văn Miếu Quốc Tử Giám		giả chính	Nghệ Thuật ISSN:0866-8655			tháng 02, tr.21-23	
7	Giá trị của 82 pho “sử đá” tại Văn Miếu Quốc Tử Giám	01	Tác giả chính	Tạp chí du lịch Việt Nam ISSN:0866-7373			Số 04, tr.5, 12	2010
8	Nghệ thuật sơn mài Việt Nam	01	Tác giả chính	Tạp chí du lịch Việt Nam ISSN:0866-7373			Số 10, tr.48-49	2011
9	Vai trò của Thiền tông với văn hóa dân tộc	01	Tác giả chính	Tạp chí Văn hóa Nghệ Thuật ISSN:0866-8655			Số 362, tháng 8, tr.17-21	2014
10	Văn hóa Thiền tông trong hệ giá trị Việt Nam	01	Tác giả chính	Bài đăng trong sách <i>Một số vấn đề về hệ giá trị Việt Nam trong giai đoạn hiện nay</i> , Nxb Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh			Tr.464-479	2015
11	Văn hóa Thiền tông và những biểu hiện trong đời sống xã hội Việt Nam hiện nay	01	Tác giả chính	Tạp chí Khuông Việt ISSN:1859-2511			Số 29, tháng 01, tr.35-42	2015
12	Văn hóa Thiền tông Việt Nam	01	Tác giả chính	Tạp chí Nghiên cứu Văn hóa ISSN:0886-7667			Số 12, tháng 6, tr.10-17	2015
Sau khi bảo vệ luận án tiền sử								
13	Văn hóa Thiền tông - một tiểu hệ giá trị của văn hóa Việt Nam	01	Tác giả chính	Kỷ yếu <i>Hội thảo Quốc tế Việt Nam học lần thứ 5</i> , năm 2016			Tr. 201-209	2016
14	Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử - Sản phẩm của quá trình giao lưu tiếp biến văn hóa	01	Tác giả chính	Tạp chí Giáo dục Nghệ thuật ISSN: 18594964			Số 19, tr.28-31	2016
15	Phật giáo nhân gian với xu hướng vận động của Thiền tông Việt Nam	01	Tác giả chính	Kỷ yếu <i>Hội thảo quốc tế Phật giáo nhập thế và các vấn đề xã hội đương đại</i> do			Tr. 273-281	2017

				Trường Đại học Quốc gia Hà Nội phối hợp với Giáo hội Phật giáo Việt Nam tổ chức và xuất bản				
16	Góp bàn về sức mạnh mềm văn hóa Việt Nam	01	Tác giả chính	Tạp chí Nghiên cứu Văn hóa ISSN:0886-7667			Số 23, tháng 3, tr.89-94	2018
17	Phát triển du lịch đặc thù ở Hà Giang	01	Tác giả chính	Tạp chí du lịch Việt Nam ISSN:0866-7373			Số tháng 3, tr.40-41	2018
18	越南可持 旅游与 管理 (以会安古 和美山圣地 案例) Du lịch bền vững và quản lý di sản thế giới tại Việt Nam (Trường hợp phố cổ Hội An và khu di tích Mỹ Sơn)	01	Tác giả chính	Tạp chí Đẹp và Thời đại (美与时代志), Trung Quốc, Mã xuất bản Quốc tế: ISSN 1003-2592, chỉ số ảnh hưởng: 0, 137	美与时代 Mã xuất bản trong nước: CN41 - 1061/B, chỉ số ảnh hưởng IF: 0, 137		Số 807, 36 - 360, 25RMB, tr.86-87	2019
19	Chương trình phổ thông tổng thể và những gợi mở về đào tạo sau đại học trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương	01	Tác giả chính	Kỷ yếu Hội thảo bồi dưỡng giáo viên nghệ thuật đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông mới do Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương			Tr.35-38	2019
20	越南传统村落旅游开发 Phát triển du lịch làng nghề ở Việt Nam	01	Tác giả chính	Tạp chí Đẹp và Thời đại (美与时代志), Trung Quốc, Mã xuất bản Quốc tế: ISSN 1003-2592, chỉ số ảnh hưởng: 0, 137	美与时代 Mã xuất bản trong nước: CN41 - 1061/B, chỉ số ảnh hưởng IF: 0, 137		Số 843, 2020/04, tr.93-96	2020

21	Tổ quốc và gia đình - hai giá trị cơ bản trong văn hóa Việt Nam	01	Tác giả chính	Tạp chí Giáo dục Nghệ thuật ISSN:1859-4964		Số 32, tr.11-13	2020
22	Hoàng Hoa Thám dưới góc nhìn văn hóa	01	Tác giả chính	Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật ISSN:0866-8655		Số 430, tháng 4, tr.25-28	2020
23	浅谈越南 北部三角洲 的越南人传统 民居建筑艺术 Nghệ thuật kiến trúc nhà truyền thống của người Việt ở châu thổ Bắc Bộ, Việt Nam	01	Tác giả chính	Tạp chí Đẹp và Thời đại (美与时代志), Trung Quốc, Mã xuất bản Quốc tế: ISSN 1003-2592, chỉ số ảnh hưởng: 0, 137	美与时代 Mã xuất bản trong nước: CN41 - 1061/B, chỉ số ảnh hưởng IF: 0, 137		2020
24	Giáo dục ý thức bảo vệ môi trường cho học sinh tiểu học qua môn học nghệ thuật	01	Tác giả chính	Tạp chí Thiết bị Giáo dục ISBN:1859 - 0810		Số đặc biệt tháng 5, tr. 168 - 171	2020
25	Bảo tồn và phát huy văn hóa Phật giáo Trúc Lâm gắn với phát triển bền vững	01	Tác giả chính	Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật ISSN:0866-8655		Số 431, tháng 4, tr.35-38	2020
26	Tín ngưỡng thờ tứ Bất tử trong đời sống tinh thần người Việt Nam	01	Tác giả chính	Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam ISSN:1013 - 4328		Số tháng 4, tr.50-57	2020
27	Đường Hồ Chí Minh trên biển: Ý nghĩa lịch sử và giá trị thời đại	01	Tác giả chính	Tạp chí Giáo dục lý luận ISSN:0868 - 3492		Số 307, tháng 5 năm 2020, tr.43-48	2020
28	Đường Hồ Chí Minh trên biển từ góc nhìn văn hóa	01	Tác giả chính	Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật: ISSN:0866-8655		Số 432, tháng 6, tr.20-23	2020
29	Phân tích swot về xây dựng thương hiệu du lịch tại Hội An	01	Tác giả chính	Tạp chí Du lịch Việt Nam ISSN:0866-7373		Số tháng 6	2020

30	Đa dạng văn hóa và một vài gợi ý về sự phát triển văn hóa ở Việt Nam	01	Tác giả chính	Tạp chí Giáo dục Nghệ thuật ISSN: 1859 - 4964			Số 33	2020
31	Sức mạnh mềm văn hoá với sự phát triển bền vững ở nước ta hiện nay	01	Tác giả chính	Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật ISSN:0866-8655			Số 433, tháng 7	2020

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 05, gồm 03 bài trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín và 02 bài đăng tại Hội thảo quốc tế.

Lưu ý: Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với UV chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với UV chức danh GS.

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó, các số TT của bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế:

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
1				
2				
...				

- Trong đó, các số TT giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:.....

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
----	-------------------------------------	---------------------------	--	----------------------	------------

1					
2					
...					

- Trong đó, các số TT tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

Tham gia xây dựng chương trình ngành Quản lý văn hóa và ngành Du lịch của trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương.

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN
Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....
- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

(*) Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.

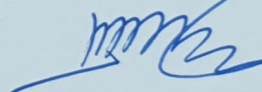
C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 25 tháng 6 năm 2020

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Dương Thị Thu Hà